

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1430~~/UBND-TCKH

Thành phố Lai Châu, ngày 19 tháng 7 năm 2019

V/v xây dựng Kế hoạch phát triển
kinh tế xã hội và dự toán ngân sách
nhà nước năm 2020

Kính gửi: - Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố;
- Chủ tịch UBND các xã, phường.

Căn cứ Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 11/7/2019 của UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Công văn số 988/SKHĐT-TH ngày 12/7/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

Để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của thành phố đảm bảo đúng với định hướng, chỉ đạo của Tỉnh và phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, Chủ tịch UBND thành phố yêu cầu:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Chủ tịch UBND các xã, phường: Tập trung hoàn thiện Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách năm 2020 theo chỉ đạo, hướng dẫn tại Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 11/7/2019 của UBND tỉnh và Công văn số 988/SKHĐT-TH ngày 12/7/2019 của Sở Kế hoạch & Đầu tư. Yêu cầu các đơn vị hoàn thiện gửi UBND thành phố (*Qua phòng Tài chính - Kế hoạch*), đồng thời gửi kèm file mềm vào hòm thư điện tử: ptckh.tplc@laichau.gov.vn **trước ngày 22/7/2019.**

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Đơn đốc, tham mưu xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020 của thành phố gửi Sở Kế hoạch & Đầu tư và Sở Tài chính **trước ngày 25/7/2019.**

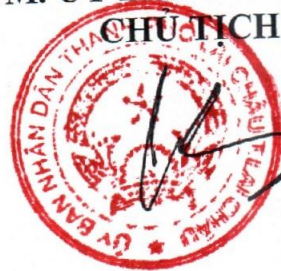
*** Lưu ý:** Các cơ quan, đơn vị, xã, phường khai thác Chỉ thị số 09-CT/UBND và Công văn số 988/SKHĐT-TH tại địa chỉ: Thanhpho.laichau.gov.vn, Mục Văn bản chỉ đạo, điều hành; các mẫu biểu xây dựng dự toán thực hiện theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính (đối với các đơn vị dự toán, đơn vị hỗ trợ) hoặc Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính (đối với các xã, phường) và kèm theo bản Thuyết minh chi tiết dự toán.

Căn cứ nội dung Công văn, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lương Chiến Công

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09

/CT-UBND

Lai Châu, ngày 11 tháng 7 năm 2019

UBND THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Số: 760

Ngày: 12/7/2019

Chuyển:

Mưu hồ sơ số:

CHỈ THỊ

Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã
hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

UBND THÀNH PHỐ LAI CHÂU	
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH	
Số: 193	
Ngày: 13 tháng 7 năm 2019	

Năm 2020 có ý nghĩa rất quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Trong những năm qua với sự nỗ lực phấn đấu, chủ động, tích cực triển khai thực hiện của các cấp, các ngành, kinh tế xã hội của tỉnh đã đạt được những kết quả rất quan trọng. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại, hạn chế: quy mô kinh tế, thu ngân sách trên địa bàn còn nhỏ; các ngành kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; thu hút đầu tư vào địa bàn chưa thực sự hiệu quả, ... Do đó các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cần theo dõi sát diễn biến tình hình trong nước, trong tỉnh; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 và tình hình, kết quả thực hiện đến nay để xác định rõ yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; đồng thời tập trung cao độ, nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao nhất, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 và Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Lai Châu khóa XIII.

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tập trung xây dựng Kế hoạch năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

A. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

1. Về nguyên tắc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Kế hoạch tài chính trung hạn và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-

2020; các chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh.

Việc triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, công khai, minh bạch, công bằng, có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị và tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

2. Về yêu cầu xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

- Đánh giá sát, đúng thực chất tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2019 và ước thực hiện cả năm 2019; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh,... các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục nhằm thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân trong những tháng cuối năm.

- Tập trung theo dõi, dự báo kịp thời, sát tình hình trong nước, trong tỉnh, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực để có giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực có thể xảy ra.

- Trên cơ sở kết quả đã đạt được các năm 2016-2018, ước thực hiện kết quả năm 2019 và dự báo tình hình trong nước, trong tỉnh, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, có gắn với kế hoạch 5 năm 2016-2020.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm túc tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy là “*Hành động, kỷ cương, hiệu quả*” phấn đấu năm 2020 đạt và vượt các mục tiêu nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, đưa Lai Châu trở thành tỉnh trung bình trong khu vực miền núi phía Bắc. Duy trì và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, phấn đấu năm 2020 đạt tốc độ tăng trưởng GRDP khoảng 7,72%; xác định cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, khởi nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá. Tiếp tục tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện,

đào tạo nhân lực. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống Nhân dân. Đảm bảo Quốc phòng - An ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động công tác đối ngoại.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

1. Triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương nhằm thực hiện mục tiêu xuyên suốt là duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

2. Đẩy mạnh cải cách thể chế và khơi thông các nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển

a). Nâng cao chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật.

b). Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch để làm căn cứ lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công cho giai đoạn tiếp theo. Tập trung rà soát, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, nhất là về thủ tục hành chính, quy định pháp lý trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai,...; đề xuất sửa đổi các quy định pháp luật, các trình tự, thủ tục còn chưa rõ ràng, chồng chéo trong phân cấp trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế phối hợp, bảo đảm đồng bộ trong hệ thống pháp luật và khả thi, công khai, minh bạch. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đường nối cao tốc Nội Bài – Lào Cai với Thành phố Lai Châu và các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa của tỉnh.

c). Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút nguồn nhân lực và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

d). Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch về cơ cấu lại kinh tế giai đoạn 2016-2020, đẩy mạnh phát triển sản xuất, đầu tư kinh doanh:

- Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp:

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Đề án của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2018-2020. Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng cơ cấu lại lĩnh vực, sản phẩm, các cây

trồng có giá trị kinh tế cao thành vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; năm 2020 dự kiến trồng thêm 859 ha cây chè, 1.050 ha quế, 1.050 ha mắc ca, duy trì diện tích 13.035 ha cây cao su;... phát triển cây ăn quả có giá trị. Thực hiện các giải pháp hiệu quả để từng bước cơ cấu lại ngành chăn nuôi, tập trung phát triển chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò), nâng cao tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản trong cơ cấu ngành nông nghiệp, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng đàn gia súc khoảng 5%. Chủ động phòng, chống thiên tai, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

Các ngành, địa phương tập trung xây dựng quy trình chất lượng sản phẩm, thương hiệu, đặc biệt là đầu ra sản phẩm. Xây dựng các sản phẩm chủ lực của địa phương hướng tới phải đảm bảo chất lượng xuất khẩu như các sản phẩm: Chè, mắc ca, cao su, chuối, gạo,... Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao và chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi và giải quyết kịp thời, nhanh chóng các thủ tục đầu tư liên quan, đảm bảo các quy định của pháp luật để các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp được triển khai thực hiện thuận lợi. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng gắn với thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Phát triển công nghiệp - xây dựng:

Tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng sớm được đầu tư, hoàn thành đưa vào hoạt động phát huy hiệu quả kinh tế xã hội, đặc biệt là các phát triển nguồn điện, các dự án khai thác, chế biến khoáng sản, công nghiệp chế biến nông lâm sản, hoàn thành xây dựng nhà máy chế biến mủ Cao su, Mắc ca. Phối hợp cùng với Tập đoàn Điện lực Việt Nam đẩy nhanh tiến độ các dự án đường dây truyền tải công suất phát của các nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh, trong đó sớm hoàn thành đường dây và trạm biến áp 220Kv Mường Tè - Nậm Nhùn,... Tiếp tục quản lý phát triển đô thị theo Quy hoạch; quản lý chặt chẽ quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết các đô thị, tăng cường công tác quản lý hoạt động cấp phép xây dựng.

- Phát triển thương mại - dịch vụ

Chủ động theo dõi diễn biến cung cầu hàng hóa bảo đảm cân đối hàng hóa thiết yếu, tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm soát giá cả các mặt hàng thiết yếu, đấu tranh chống hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại. Phát triển thị trường gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng

hàng Việt Nam". Triển khai hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa của địa phương; tập trung hoàn thiện các thủ tục nâng cấp cửa khẩu Ma Lù Thàng lên cửa khẩu Quốc tế; quản lý tốt các hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu Ma Lù Thàng và các lối mở trên địa bàn.

Đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Tăng cường quảng bá, xúc tiến du lịch, đẩy mạnh hợp tác phát triển du lịch, thu hút đầu tư tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển các loại hình du lịch văn hóa, cộng đồng, sinh thái.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động bưu chính, viễn thông, đảm bảo an ninh thông tin. Nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông đáp ứng yêu cầu phục vụ chính trị và người dân. Tiếp tục mở rộng các tuyến vận tải gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực vận tải; duy trì kiểm soát tải trọng xe và tăng cường kiểm tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, kiểm định phương tiện giao thông.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, tăng thu ngân sách trên địa bàn. Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, đúng chế độ quy định, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu quả. Huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế. Trên cơ sở điều hành tín dụng phù hợp, chú trọng các lĩnh vực ưu tiên gắn với nâng cao chất lượng tín dụng; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đồng hành cùng doanh nghiệp, xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh thực sự thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư. Đẩy mạnh hoạt động thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế. Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước; quan tâm, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nhất là trong thanh niên, giới trẻ; đẩy mạnh cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực có liên quan đến doanh nghiệp, người dân để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng,...

- Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

tại các bộ, ngành và địa phương, kết nối cổng thông tin một cửa quốc gia; tập trung nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho doanh nghiệp, nhất là những dịch vụ có số lượng hồ sơ phát sinh lớn.

- Triển khai tích cực, có hiệu quả Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp. Tạo cơ chế chính sách thuận lợi phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã; Chỉ đạo quyết liệt đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết Trung ương và Chương trình hành động của Chính phủ.

e) Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, trong đó tập trung hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Đẩy mạnh áp dụng đấu thầu qua mạng, đảm bảo tỷ lệ đấu thầu qua mạng theo hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi đạt tối thiểu 50% về số lượng gói thầu và 15% về tổng giá trị gói thầu. Tạo cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu sản phẩm có tính đổi mới sáng tạo khi tham gia đấu thầu mua sắm công.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Tạo lập các điều kiện cần thiết để phục vụ thực thi pháp luật của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, phòng chống rủi ro pháp lý, tăng cường năng lực cạnh tranh.

3. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực: văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, hiệu quả chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Rà soát và giải quyết hiệu quả chính sách hỗ trợ người có công, bảo đảm công khai, minh bạch; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách đối với dân tộc, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các chính sách hỗ trợ về đất đai, tín dụng,... phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội; quan tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ; làm tốt công tác bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội. Tích cực triển khai Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội.

- Tích cực triển khai Kế hoạch của tỉnh về thực hiện các Nghị quyết Trung ương về công tác y tế, dân số. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao đạo đức nghề nghiệp, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng; chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Có chính sách phù hợp thu hút bác sỹ, đào tạo đội ngũ bác sỹ chuyên khoa sau đại học, đặc biệt chú trọng loại hình đào tạo chuyển giao kỹ thuật mới. Thực hiện luân phiên cán bộ y tế có trình độ chuyên môn sâu từ tuyến trên xuống tuyến dưới. Tăng cường quản lý hoạt động của các cơ sở y, dược ngoài công lập. Nâng cao hiệu quả công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình. Tiếp tục mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Thực hiện có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; củng cố vững chắc chất lượng giáo dục phổ cập giáo dục các cấp, tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với học sinh và giáo viên. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp, ưu tiên các trường vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, phần đầu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 46,6%. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ, công chức; Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*". Chú trọng việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc. Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, bài trừ các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội; bảo vệ, giữ gìn truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao trên toàn tỉnh, quan tâm phát triển thể thao thành tích cao. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa.

4. Tăng cường công tác quản lý đất đai, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường. Thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai, tài nguyên khoáng sản đảm bảo đúng quy trình, thủ tục, thời gian quy định. Tập trung kiểm soát và khắc phục ô nhiễm môi trường. Chủ động phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kịp thời, ứng phó, khắc phục hiệu quả các sự cố, thiên tai và cứu nạn, cứu hộ, di dời dân cư khỏi vùng thiên tai, sạt lở đất, lũ quét, ổn định đời sống dân cư; phòng, chống sạt lở bờ sông, suối, kè sông, kè suối biên giới ở những vị trí xung yếu.

5. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện nghiêm việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 4. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực và xử lý nghiêm các vi phạm. Kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng "tham nhũng vặt", những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực và trên toàn xã hội; trước hết là trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

6. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp

Hoàn thiện việc củng cố, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII). Tổ chức thực hiện hoàn thành Đề án tổng thể sáp nhập thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2018-2020.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ, kiến tạo phát triển. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp và giải quyết các dịch vụ công trực tuyến.

Đẩy mạnh cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp; nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự.

7. Tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Tiếp tục củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ biên giới và mốc giới quốc gia. Giữ vững tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục duy trì và phát triển có chiều sâu các mối quan hệ quốc tế giữa tỉnh Lai Châu với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và các tỉnh phía Bắc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, các đại sứ quán, các tổ chức quốc tế.

8. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh truyền hình, đảm bảo thông tin chính xác, kịp thời. Chú trọng phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số tới các vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, thông tin xấu, độc, lợi dụng mạng xã hội chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Đối với dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

a). Dự toán thu ngân sách nhà nước

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước các năm 2016-2018 và ước thực hiện năm 2019; đồng thời, phân tích, dự báo những nhân tố tác động làm thay đổi tình hình sản xuất - kinh doanh, đầu tư, phát triển của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2020; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; thực hiện các biện pháp cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý thu; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

Trên cơ sở đó, dự toán thu nội địa (*không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức và lợi nhuận sau*

thuế) phần đầu tăng bình quân tối thiểu 10-12% so với đánh giá ước thực hiện năm 2019 (loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu phần đầu tăng bình quân tối thiểu 5-7% so với ước thực hiện năm 2019.

Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

b). Dự toán chi ngân sách nhà nước

Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách giai đoạn 2016-2020; tiếp tục quán triệt yêu cầu công khai, minh bạch và thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, minh bạch ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2020. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

Khi xây dựng dự toán và bố trí ngân sách nhà nước năm 2020, các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cần chú ý các nội dung sau:

(1). Chi đầu tư phát triển.

Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn viện trợ, vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; bám sát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; các mục tiêu Đề án, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Ưu tiên bố trí vốn để thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia; bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước, các dự án quyết toán, hoàn thành, chuyển tiếp theo tiến độ dự án, các dự án khởi công mới theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020. Việc bố trí vốn

nước ngoài phải phù hợp với tiến độ giải ngân từ nhà tài trợ, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án kết thúc Hiệp định vay trong năm 2020. Việc quản lý, sử dụng 10% dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 theo đúng Nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) và số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ chi phí liên quan) phải nộp ngân sách nhà nước và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho mục đích đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật. Các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 từ nguồn thu này gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định.

(2). Chi thường xuyên:

Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo các lĩnh vực cụ thể, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chỉ cho con người, chi an sinh xã hội; chú trọng cải cách hành chính theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, tận dụng hiệu quả các cơ hội từ những thay đổi mạnh mẽ, nhanh chóng của khoa học và công nghệ.

Triển khai quyết liệt Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương (Khóa XII) và Kết luận 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017- 2021, kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, tránh chồng chéo, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập của từng lĩnh vực theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài,... Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, đồng thời dành nguồn để thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII).

Dẩy mạnh sắp xếp lại, đổi mới cơ chế hoạt động của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cơ chế tài chính đặc thù đối với cơ quan, đơn vị trong ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

(3). Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu thực hiện đánh giá tình hình thực hiện năm 2019, căn cứ nhiệm vụ được giao tại các Quyết định phê duyệt từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, bám sát kế hoạch vốn đã giao và các hướng dẫn bổ sung của cơ quan quản lý chương trình, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các Chương trình gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan thường trực chương trình theo quy định.

(4). Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

Thực hiện lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 theo đúng trình tự, quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, kế hoạch đầu tư công trung hạn và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các Sở, ngành được giao nhiệm vụ là cơ quan đầu mối thực hiện các dự án phải thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án sử dụng vốn ngoài nước phải chi tiết rõ vốn vay, vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp, phân định rõ dự án cấp phát hoặc vay lại hoặc hỗn hợp (cấp phát, vay lại) và chi tiết mức vốn cho từng phần. Đối với các dự án Ô, cần làm rõ kế hoạch giữa cơ quan chủ quản trung ương và cơ quan chủ quản dự án thành phần tham gia thực hiện dự án.

(5). Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương:

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương bao gồm: tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư...); nguồn dành ra do triển khai thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII).

(6). Ngân sách các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

(7). Các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2019 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2020 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

c). Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các điểm a, b mục III.1 của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2020 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

(1). Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo cơ quan tài chính, thuế cùng cấp phối hợp với các cơ quan có liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách. Đồng thời, trong quá trình xây dựng dự toán thu trên địa bàn yêu cầu Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Hải quan cửa khẩu Ma Lù Thàng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, lập dự toán tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không dành dư địa để Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giao thu ở mức cao hơn, lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

(2). Dự toán chi ngân sách địa phương:

- Căn cứ các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017; trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; căn cứ thực hiện các nhiệm vụ chi của địa phương năm 2018, ước thực hiện năm 2019, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (chi đầu tư, chi thường xuyên) chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Nguồn thu này được tính trong dự toán thu cân đối ngân sách địa phương, sử dụng toàn bộ cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, y tế, xây dựng nông thôn mới theo quy định; sau khi đã bố trí vốn bảo đảm hoàn

thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực nêu trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương

- Đối với bội chi/bội thu, vay và trả nợ của ngân sách tỉnh: Ngân sách cấp tỉnh chỉ được phép bội chi khi đáp ứng đầy đủ các quy định và điều kiện của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Dự toán bao quát toàn bộ, đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn để tỉnh chủ động có phương án trả nợ, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại.

2. Đối với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022

Trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 26/12/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; dự kiến về các định hướng chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các định hướng chiến lược, kế hoạch về tài chính - ngân sách kỳ kế hoạch tới; các Nghị quyết Trung ương Khóa XII về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị quyết về cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội...; giả định tiếp tục các quy định tại thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan lập Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Quản lý nợ công sửa đổi và các văn bản hướng dẫn; các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp theo quy định.

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2020 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, trong đó lưu ý các nguyên tắc:

- Đối với kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (bao gồm trái phiếu Chính phủ): thực hiện theo quy định tại điểm b, mục III.1 nêu trên về chi đầu tư phát triển.

- Đối với kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: tính toán xác định đủ các khoản thu theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

- Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng, tổng hợp, giao và triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên Hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước tại địa chỉ: <https://dautucong.mpi.gov.vn>.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, ban hành khung hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ xây dựng Kế hoạch phát triển Kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2020; Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 của tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của Trung ương.

2. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cấp chính quyền địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020- 2022, của cấp mình theo đúng quy định tại Chỉ thị này và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế năm 2020 của đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2020.

4. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các Doanh nghiệp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị này. /.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND Tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tiến Dũng

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ

Số: 988/SKHĐT-TH

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 12 tháng 7 năm 2019

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Văn bản số 4538/BKHĐT-TH ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư v/v hướng dẫn xây dựng Kế hoạch năm 2020; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2020 như sau:

1. Nội dung báo cáo

(Có đề cương hướng dẫn kèm theo)

Đề nghị truy cập trang thông tin của Sở Kế hoạch & Đầu tư để tải đề cương hướng dẫn và các văn bản chỉ đạo: <http://sokhdt.laichau.gov.vn>, tại mục "TÀI LIỆU, BIỂU MẪU HƯỚNG DẪN"/Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2020.

2. Tiến độ thực hiện

Đề nghị Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố quán triệt, triển khai đến bộ phận tham mưu, các đơn vị trực thuộc Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 28/6/2019 về tăng cường việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổng hợp Báo cáo kế hoạch phát triển KT-XH năm 2020 theo tiến độ sau:

(1). UBND các huyện, thành phố xây dựng và hoàn thành báo cáo gửi về các sở, ban, ngành tỉnh để tổng hợp chung, đồng thời gửi về sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **20/7/2019**.

(2). Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh xây dựng, tổng hợp báo cáo gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **25/07/2019** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **31/7/2019**.

(3). Trước ngày 10 tháng 9 năm 2019, căn cứ kết quả làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 8, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(4). Trong tháng 12 năm 2019, căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh thông qua và giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 cho các cấp, các ngành triển khai thực hiện.

Trên đây là nội dung khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2020. Để đảm bảo tiến độ chung, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ vào khung hướng dẫn này và tình hình, đặc điểm của từng ngành, địa phương, khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và gửi báo cáo bằng văn bản về sở Kế hoạch và Đầu tư và qua thư điện tử: sokhdt@laichau.gov.vn; pthqh.sokhdt@laichau.gov.vn đúng tiến độ để tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử sở;
- Lưu: VT, TH 



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

ĐỀ CƯƠNG

Hướng dẫn đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2019 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

(Kèm theo Văn bản số 988 /SKHĐT-TH ngày 12/7/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2019

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm theo các ngành, lĩnh vực, bao gồm: tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, các kết quả đạt được trên từng ngành, lĩnh vực (so sánh với kết quả thực hiện với cùng kỳ năm 2018 và kế hoạch năm 2019 đã giao), tồn tại và hạn chế, nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế.

II. DỰ BÁO BỐI CẢNH TRONG NƯỚC, TRONG TỈNH NĂM 2020

Làm rõ hơn những thuận lợi, khó khăn, cũng như những đặc thù của kinh tế tỉnh Lai Châu năm 2020 để làm cơ sở xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và năm 2020.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

Trên cơ sở kết quả đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 nêu trên, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 tại Văn bản số 4538/BKHĐT-TH ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh và các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Báo cáo định hướng xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã trình xin ý kiến của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố xây dựng mục tiêu phát triển, các chỉ tiêu chủ yếu, các nhiệm vụ và định hướng phát triển, giải pháp thực hiện của từng ngành, địa phương trong năm kế hoạch năm 2020 với các nội dung sau:

1. Mục tiêu tổng quát

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020

3. Nhiệm vụ, định hướng, giải pháp chủ yếu phát triển các ngành, lĩnh vực năm 2020

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỚI TRUNG ƯƠNG, TỈNH (nếu có)

IV. VỀ HỆ THỐNG BIỂU: Sở Kế hoạch và Đầu tư đã lồng ghép hệ thống chỉ tiêu theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hệ thống các chỉ tiêu giao kế hoạch hàng năm của tỉnh. Đề nghị các cấp, các ngành cập nhật, báo cáo đầy đủ theo hệ thống biểu mẫu hướng dẫn kèm theo.

MỘT SỐ CHỈ SỐ CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020



bản số 988SKHDT-TH ngày 12 tháng 7 năm 2019 của sở KH&ĐT

TT		Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm	Kế hoạch 2020	Ước TH 2019/TH 2018	
1	Tăng trưởng GRDP (giá so sánh)	%							
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%							
	- Công nghiệp và xây dựng	%							
	- Dịch vụ	%							
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%							
2	Tổng sản phẩm trên địa bàn tính (GRDP) theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng							
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng							
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng							
	- Dịch vụ	Tỷ đồng							
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng							
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn tính (GRDP) theo giá hiện hành	Tỷ đồng							
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng							
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng							
	- Dịch vụ	Tỷ đồng							
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng							

[illegible]

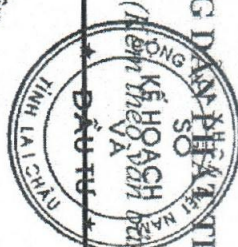
TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019		Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng		Ước TH cả năm	Ước TH 2019/TH 2018	
	- Vốn thực hiện	Triệu USD							
	+ Đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu USD							
	+ Đầu tư qua góp vốn, mua cổ phần	Triệu USD							
	- Vốn đăng ký	Triệu USD							
	+ Đăng ký cấp mới	Triệu USD							
	+ Đăng ký tăng thêm	Triệu USD							
	+ Góp vốn, mua cổ phần	Triệu USD							
	- Số dự án								
	+ Cấp mới	Dự án							
	+ Tăng vốn	Lượt dự án							
	+ Góp vốn, mua cổ phần	Lượt dự án							
11	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn							
	Diện tích cây chè	Ha							
	Trong đó: Trồng mới	Nghìn con							
	Tỷ lệ che phủ rừng	%							
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã							
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%							
12	Hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước								
	- Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã mặt đường được cứng hóa	Xã							

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm	Kế hoạch 2020	Ước TH 2019/TH 2018	
	- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã, mặt đường được cứng hóa	%							
	- Tỷ lệ thôn, bản có đường xe máy, ô tô đi lại thuận lợi	%							
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%							
	- Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%							
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%							
13	Giáo dục								
	- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học	xã							
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%							
	Trong đó: + Cấp mầm non	%							
	+ Cấp Tiểu học	%							
	+ Cấp Trung học cơ sở	%							
	+ Cấp Trung học phổ thông	%							
14	Y tế								
	- Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã							
	- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%							
	- Số bác sỹ/vận dân	l/10000							
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰							
	- Tỷ lệ giảm sinh bình quân	‰							
	- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%							
15	Giảm nghèo								
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%							

Biểu số 2

CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG - LÂM - NGƯ NGHIỆP, PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kế hoạch được số 988SKHĐT-TH ngày 12 tháng 5 năm 2019 của sở KH&ĐT)



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/Ước TH 2019	
A	NÔNG NGHIỆP									
I	Sản lượng lương thực									
	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn								
	Trong đó: - Thóc	Tấn								
	- Ngô	Tấn								
I	Lúa cả năm:	Tấn								
	- Diện tích	Tấn								
	- Năng suất	Tấn								
	- Sản lượng	Tấn								
	Lúa đông xuân: Diện tích	Hạ								
	Năng suất	Tạ/ha								
	Sản Lượng	Tấn								
	Lúa mùa: Diện tích	Hạ								
	Năng suất	Tạ/ha								
	Sản Lượng	Tấn								
	Lúa nương: Diện tích	Hạ								
	Sản Lượng	Tấn								
	- Diện tích lúa hàng hóa tập trung	Tấn								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
	Năng suất	Tạ/ha								
	Sản lượng	Tấn								
	Ngô cả năm									
	- Diện tích	ha								
	- Năng suất	Tạ/ha								
	- Sản lượng	Tấn								
	Ngô xuân hè: Diện tích	Ha								
	Năng suất	Tạ/ha								
	Sản lượng	Tấn								
	Ngô thu đông: Diện tích	Ha								
	Năng suất	Tạ/ha								
	Sản lượng	Tấn								
II	Cây công nghiệp									
1	Cây công nghiệp ngắn ngày									
a	Cây Lạc									
	+ Diện tích	Ha								
	+ Năng suất	Tạ/ha								
	+ Sản lượng	Tấn								
b	Cây Đậu tương									
	+ Diện tích	Ha								
	+ Năng suất	Tạ/ha								
	+ Sản lượng	Tấn								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm	Kế hoạch 2020	Ước TH 2019/TH 2018	
2	Cây công nghiệp dài ngày								
a	Cây chè								
	- Tổng diện tích chè	Ha							
	Trong đó: Trồng mới	Ha							
	+ Diện tích chè kinh doanh	Ha							
	- Năng suất	Tạ/ha							
	- Sản lượng chè búp tươi	Tấn							
b	Cây cao su: Diện tích	Ha							
III	Một số cây trồng khác								
	Cây rau, màu								
	- Diện tích	Ha							
	- Năng suất	Tạ/ha							
	- Sản lượng	Tấn							
	Cây ăn quả								
									
IV	Chăn nuôi								
1	Tổng đàn gia súc	Con							
	- Đàn trâu	Con							
	- Đàn bò	Con							
	- Đàn lợn	Con							
2	Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc	%							
3	Tổng đàn gia cầm	Nghìn con							

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
4	Thịt hơi các loại	Nghìn Tấn								
	Trong đó: Thịt lợn	Nghìn Tấn								
B	THỦY SẢN									
	- DT nuôi trồng	Ha								
	- Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng	Tấn								
	+ Sản lượng nuôi trồng	Tấn								
	+ Sản lượng đánh bắt	Tấn								
	+ Nuôi cá nước lạnh	Tấn								
	Số cơ sở	Cơ sở								
	Thế tích nuôi	M3								
C	LÂM NGHIỆP									
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%								
2	Tổng DT rừng hiện có (tính cả cao su)	Ha								
	Trong đó: diện tích rừng trồng mới	Ha								
	+ Rừng phòng hộ	Ha								
	+ Rừng sản xuất	Ha								
	+ Trồng rừng thay thế các hồ thủy điện	Ha								
	+ Trồng rừng theo chương trình dự án khác	Ha								
	Trong đó: Quế	Ha								
	Son Tra	Ha								
2.1	Rừng tự nhiên	Ha								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm	Kế hoạch 2020	Ước TH 2019/TH 2018	
								KH năm 2020/trớc TH 2019	
	+ Rừng đặc dụng	Ha							
	+ Rừng phòng hộ	Ha							
	+ Rừng sản xuất	Ha							
2.2	Rừng trồng	ha							
	+ Rừng sản xuất	Ha							
	+ Rừng phòng hộ	Ha							
2.3	Rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp								
2.4	Cây cao su	ha							
2.5	Diện tích cây Mắc ca	ha							
	Trong đó trồng mới	ha							
3	Khoản bảo vệ rừng	ha							
4	Khoanh nuôi rừng tái sinh	ha							
5	Chăm sóc rừng trồng	ha							
D	PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN								
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%							
	- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%							
	- Thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về NTM	Xa							
	+ Số xã hoàn thành 19 tiêu chí NTM	Xa							
	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn NTM	%							

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
	+ Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	Xã								
	+ Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí	Xã								
	+ Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí	Xã								
	+ Số xã đạt dưới 5 tiêu chí	Xã								
	+ Bình quân tiêu chí trên xã	Tiêu chí/xã								

CHỈ TIÊU HUỖNG ĐÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo văn bản số 12/KH&ĐT-TH ngày 12 tháng 1 năm 2019 của sở KH&ĐT)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019			So sánh (%)		Ghi chú
			Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm	Kế hoạch 2020	Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019
I	Giá trị sản xuất CN (Giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng						
1	Phân theo thành phần kinh tế							
	- Quốc doanh Trung ương	Tỷ đồng						
	- Quốc doanh địa phương	Tỷ đồng						
	- CN ngoài quốc doanh	Tỷ đồng						
	- CN có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng						
2	Phân theo ngành công nghiệp	Triệu đồng						
	- Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng						
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng						
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	Tỷ đồng						
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng						
II	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ theo gốc năm 2010	%						
	- Công nghiệp khai khoáng	%						
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	%						
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	%						
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	%						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			So sánh (%)	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH			
					6 tháng	cả năm		
I	Tổng mức bán lẻ HH và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng						
	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng	%						
	Trong đó:							
	- Quốc doanh	Tỷ đồng						
	- Ngoài Quốc doanh	Tỷ đồng						
	Phân theo ngành kinh tế							
	- Thương nghiệp (giá hiện hành)	Tỷ đồng						
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ đồng						
	- Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	Tỷ đồng						
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng						
II	Khách sạn - nhà hàng - dịch vụ du lịch							
I	Mạng lưới							
	- Số Khách sạn	cái						

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
	Trong đó: KS 3 sao trở lên	cái								
	- Số phòng khách sạn	Phòng								
	Công suất sử dụng phòng	%								
	- Nhà hàng	cái								
2	Tổng lượt khách du lịch	lượt người								
	Trong đó:									
	+ Khách quốc tế	lượt người								
	- Ngày lưu trú/ khách quốc tế	ngày								
	- Mức chi tiêu trong ngày/khách quốc tế	Triệu đồng								
	+ Khách nội địa	lượt người								
	- Ngày lưu trú/ khách nội địa	ngày								
	- Mức chi tiêu trong ngày/khách nội địa	Triệu đồng								
	+ Khách quốc tế	Tỷ đồng								
	+ Khách nội địa	Tỷ đồng								
III	Xuất nhập khẩu	Triệu USD								
	Tốc độ tăng	%								
1	Giá trị hàng Xuất khẩu	Triệu USD								
	- Giá trị xuất khẩu của tỉnh khác qua địa bàn	Triệu USD								
	- Giá trị xuất khẩu của địa phương	Triệu USD								

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm	Kế hoạch 2020	Ước TH 2019/TH 2018	
	Tốc độ tăng	%							
	Một số mặt hàng chủ yếu :								
	+ Thảo quả	Triệu USD							
	Sản lượng	Tấn							
	+ Chè	Triệu USD							
	Sản lượng	Tấn							
	+ Chuối xanh	Triệu USD							
	Sản lượng	Tấn							
	+ Hàng hóa khác	Triệu USD							
	...								
2	Giá trị hàng Nhập khẩu	Triệu USD							
	Tốc độ tăng	%							
	- Một số mặt hàng chủ yếu :								
	Hàng hóa tiêu dùng	Triệu USD							
	Hàng hóa khác	Triệu USD							
	- Phương tiện và hành khách XNC								
	Phương tiện XNC	Lượt							
	Hành khách XNC	Lượt							

Biểu số 6



PHIẾU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ
Ban số 988SKHDT-TH ngày 1 tháng năm 2019 của sở KH&ĐT

VA ĐẦU TƯ HÌNH LAI CHAU									
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh	
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019
A	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP								
1	Doanh nghiệp nhà nước								
	Tổng số doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn	Doanh nghiệp							
	Trong đó:								
	+ Số doanh nghiệp giữ nguyên 100% vốn nhà nước	Doanh nghiệp							
	+ Số doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa	Doanh nghiệp							
	+ Số doanh nghiệp sắp xếp theo hình thức khác (bán, hợp nhất, sáp nhập,...)	Tỷ đồng							
II	Doanh nghiệp ngoài nhà nước								
1	Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập	Doanh nghiệp							
2	Số doanh nghiệp đang hoạt động (lũy kế đến kỳ báo cáo)	Doanh nghiệp							
3	Số doanh nghiệp tư nhân trong nước đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp							
4	Tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp tư nhân trong nước	Doanh nghiệp							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh	
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019
	<i>Trong đó: Tổng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp có phần vốn của nhà nước</i>								
5	Số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động trên địa bàn	Doanh nghiệp							
6	Số doanh nghiệp kinh doanh có lãi	Doanh nghiệp							
7	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	Doanh nghiệp							
8	Thu nhập bình quân người lao động	Doanh nghiệp							
9	Tổng đóng góp ngân sách nhà nước	Triệu đồng							
10	Tổng ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Triệu đồng							
B	PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ								
I	Hợp tác xã								
1	Tổng số hợp tác xã	HTX							
	<i>Trong đó:</i>	HTX							
	- Số HTX Thành lập mới	HTX							
	Tổng số thành viên hợp tác xã	người							
	Tổng số lao động trong HTX	Người							
	<i>Trong đó: số lao động là thành viên HTX</i>	Người							
	Tổng doanh thu của hợp tác xã	Triệu đồng							
	<i>Trong đó: doanh thu của HTX từ thành viên</i>	Triệu đồng							

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
	- Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã mặt đường được cứng hóa	xã								
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã mặt đường được cứng hóa	%								
	- Tỷ lệ bàn có đường xe máy đi lại thuận lợi	%								
	- Số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia (tính theo số hợp đồng lắp đặt mua bán điện)	xã								
	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%								
III	Bảo hiểm									
1	Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Người								
2	Tạo việc làm									
3	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người								
4	Tỷ lệ so với dân số	%								
5	- Số lao động chia theo khu vực									
6	+ Lao động thành thị	Người								
7	+ Lao động nông thôn	Người								
2	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	Người								
	Cơ cấu lao động									
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%								
	- Công nghiệp và xây dựng	%								
	- Dịch vụ	%								
3	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%								

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm	Kế hoạch 2020	Ước TH 2019/TH 2018	
	Trong đó: - Tỷ lệ lao động nữ được đào tạo	%							
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo	%							
4	Số LĐ được tạo việc làm	Người							
	Trong đó: Lao động nữ	Người							
5	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%							
	+ Chuỗi xanh	%							
6	Tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn	%							
	Trong đó: Tỷ lệ nữ thiếu việc làm khu vực nông thôn	%							
7	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người							
2	Cây công nghiệp dài ngày	Người							
V	Đào tạo nghề mới trong năm								
	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người							
	+ Đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên (dưới 3 tháng)	Người							
	+ Đào tạo nghề trung cấp	Người							
V1	Trật tự an toàn xã hội								
	- Số lượt người được cai nghiện ma túy	Lượt Người							
	Trong đó: + Cai tại trung tâm 05-06 tỉnh	Lượt Người							
	+ Cai tại trung tâm chữa bệnh giáo dục và lao động xã hội huyện	Lượt Người							

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/trước TH 2019	
	+ Cai tại cộng đồng	Lượt Người								
	+ Cai tại trại tạm giam công an tỉnh	Lượt Người								
	+ Cai tại các đồn của Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	Lượt Người								
	- Điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone	Lượt Người								
VII	TRẺ EM									
1	Xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em (tùy kế)	Xã								
	- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%								
2	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc	%								

**CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG,
AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ PHÒNG, CHỐNG CHÁY NỔ**

(Kèm theo văn bản số 988/SKHĐT-TH ngày 12 tháng 7 năm 2019 của sở KH&ĐT)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
1	Phòng, chống thiên tai									
	- Số người chết vì hậu quả thiên tai	Người								
	- Số người bị thương do thiên tai	Người								
	- Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai	Tỷ đồng								
2	Bảo vệ môi trường									
	- Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được phát hiện	Vụ								
	- Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được xử lý	Tỷ đồng								
	- Số tiền xử phạt vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	Tỷ đồng								
3	An toàn giao thông									
	- Số vụ tai nạn giao thông	Vụ								
	- Số người chết do tai nạn giao thông	Người								
	- Số người bị thương do tai nạn giao thông	Người								
4	Phòng chống cháy, nổ									
	- Số vụ cháy, nổ	Người								

Biểu số 09

CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN VỀ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ - GIA ĐÌNH & TRẺ EM
(Kèm theo văn bản số 988/SKHD-T-TH ngày 12 tháng 7 năm 2019 của sở KH&ĐT)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
1	Dân số									
	- Dân số trung bình	Người								
	Trong đó :	Người								
	+ Dân số thành thị	Người								
	+ Dân số nông thôn	Người								
	Dân số là dân tộc thiểu số	Người								
	- Tỷ lệ tăng dân số	Tỷ đóng								
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	%								
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%								
	- Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	%								
2	- Tuổi thọ trung bình	%								
	Kế hoạch hoá gia đình	%								
	- Tỷ lệ các cặp vợ chồng thực hiện các biện pháp tránh thai	%								
	- Tỷ lệ các bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên so với tổng số bà mẹ sinh con trong năm	%								

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGÀNH Y TẾ

(Kèm theo văn bản số 88/SKHĐT-TH ngày tháng năm 2019 của sở KH&ĐT)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
1	Cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, BVSK									
1	Số cơ sở y tế quốc lập	cơ sở								
	- Bệnh viện đa khoa tỉnh	BV								
	- Bệnh viện chuyên khoa	BV								
	- Bệnh viện đa khoa huyện	BV								
	- Trung tâm y tế huyện/hành phố	Ty đáng								
	- Phòng khám đa khoa khu vực	PK								
	- Trạm y tế xã/phường/thị trấn	Trạm								
2	Cơ sở y tế tư nhân	cơ sở								
3	Tổng số giường bệnh quốc lập toàn tỉnh	Giường								
	- Giường bệnh tuyến tỉnh	Giường								
	- Giường bệnh tuyến huyện	Giường								
	+ Giường bệnh tại Bệnh viện/Trung tâm y tế huyện	Giường								
	+ Giường Phòng khám đa khoa khu vực	Giường								
4	Số giường bệnh tư nhân	Giường								

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
2	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường								
	Trong đó : Số giường bệnh quốc lập/ 1 vạn dân	Giường								
	Số giường bệnh tư/ 1 vạn dân.	Giường								
II Nhân lực y tế										
1	Tổng số cán bộ toàn ngành	Người								
	Trong đó:									
1.1	Bác sỹ	Người								
	Số bác sỹ/vạn dân	1/10.000								
	Tỷ lệ được sỹ/vạn dân	1/10.000								
	Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (biên chế tại trạm)	%								
	Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động	%								
	Một số chỉ tiêu tổng hợp									
	Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	Xã								
	Trong đó: Số được công nhận mới trong năm	Xã								

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	%								
2	Tỷ suất tử vong trẻ em <1 tuổi	‰								
3	Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi	‰								
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%								
5	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	1/100.000								
6	Tỷ lệ TTE < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại Vacxin	%								
7	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai	%								
8	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ	%								
9	Tỷ suất mắc các bệnh xã hội	‰								
	- Sốt rét	‰								
	- Lao	1/100.000								
	+ Chuối xanh	%								
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%								
III	Đào tạo									
1	Duy trì đào tạo									
2	Cây công nghiệp dài ngày	Người								

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
	- Đại học Y, được, y tế cộng đồng	Người								
	- Đại học điều dưỡng	Người								
	- Trung cấp y tế	Người								
2	Đào tạo mới trong năm									
	- Bác sỹ CKI ,II, thạc sỹ	Người								
	- Đại học Y, được, y tế cộng đồng	Người								
	- Đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, đại học tại Trường Trung cấp y tỉnh Lai Châu	Người								
	- Trung cấp y tế	Người								

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo văn bản số 988/KHĐT-TH ngày tháng 7 năm 2019 của sở KH&ĐT)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
A	Giáo dục									
I	Tổng số học sinh	Châu								
I	Hệ mầm non	Châu								
	- Số cháu vào nhà trẻ	Châu								
	- Số học sinh mẫu giáo	H/ sinh								
2	Hệ phổ thông	Ty đông								
	T. đố: H/s các trường Phổ thông dân tộc NT tỉnh, huyện	H/ sinh								
	Chia theo bậc học									
	- Tiểu học	H/ sinh								
	+ Trong đó: trường Phổ thông dân tộc bản trú Tiểu học	H/ sinh								
	- Trung học cơ sở	H/ sinh								
	+ Trong đó: trường Phổ thông dân tộc bản trú Trung học cơ sở	H/ sinh								
	- Trung học Phổ thông	H/ sinh								
3	Giáo dục thường xuyên	H/ sinh								
II	Tổng số học sinh là dân tộc thiểu số	H/ sinh								
	Chia ra:	H/ sinh								
	+ Mầm non	H/ sinh								
	+ Tiểu học	H/ sinh								

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm	Kế hoạch 2020	Ước TH 2019/TH 2018	
	+ Trung học sơ sở	H/ sinh							
	+ Trung học phổ thông	H/ sinh							
III	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%							
IV	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi								
	+ Tiểu học	%							
	+ Trung học phổ thông	%							
	Hướng nghiệp dạy nghề cho h/sinh PT	H/sinh							
	Phổ cập giáo dục								
	- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở	Xã							
	Tổng số giáo viên	Người							
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%							
	- Cấp mầm non	Người							
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%							
	- Cấp Tiểu học	Người							
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%							
	- Cấp Trung học cơ sở	Người							
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%							
	- Cấp Trung học phổ thông	Người							
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%							
	- Trung tâm giáo dục thường xuyên	Người							
	<i>Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn</i>	%							

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
VIII	Tổng số trường học	Trường								
	+ <i>Chuối xanh</i>	Trường								
	- Trường mầm non	Trường								
	- Trường phổ thông tiểu học	Trường								
	- Trường phổ thông cơ sở (cấp 1; 2)	Trường								
2	Cây công nghiệp dài ngày	Trường								
	- Trường trung học phổ thông (cấp 3 + các trường phổ thông dân tộc nội trú huyện)	Trường								
	- Trung tâm giáo dục thường xuyên	Trường								
IX	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường								
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%								
	<i>Trong đó: Công nhận mới trong năm</i>	Trường								
	- Cấp mầm non	%								
	- Cấp Tiểu học	%								
	- Cấp Trung học cơ sở	%								
	- Cấp Trung học phổ thông	%								
X	Tổng số phòng học	Phòng								
	<i>Tr. đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%								
	+ Cấp mầm non	Phòng								
	<i>Tr. đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%								
	+ Cấp Tiểu học	Phòng								
	<i>Tr. đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%								

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm	Kế hoạch 2020	Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
	+ Cấp Trung học cơ sở	Phòng								
	<i>Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%								
	+ Cấp Trung học phổ thông	Phòng								
	<i>Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	%								
	+ Các Trung tâm giáo dục thường xuyên	Phòng								
	<i>Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố</i>	Ngành con								
XI	Tỷ lệ huy động									
1	Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	%								
2	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	%								
3	Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%								
4	Tỷ lệ đi học chung ở cấp tiểu học	%								
5	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học	%								
6	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6	%								
7	Tỷ lệ đi học trung cấp Trung học cơ sở	%								
8	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học cơ sở	%								
9	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở	%								
10	Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở vào Trung học phổ thông	%								
11	Tỷ lệ đi học trung cấp Trung học phổ thông (gồm cả Trung tâm giáo dục thường xuyên)	%								

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
12	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học phổ thông	%								
XII	Đào tạo, tuyển sinh hệ chính quy	SV								
	- Tuyển sinh mới hệ cao đẳng	SV								
	- Tuyển sinh mới hệ Trung cấp	SV								

CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THÔNG TIN

(Kèm theo văn bản số /SKHĐT-TH ngày tháng năm 2019 của sở KH&ĐT)

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
A	VĂN HÓA - THÔNG TIN									
I	Mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động									
1	Điện ảnh									
	- Tổng số buổi hoạt động nhà nước tài trợ	Buổi								
	Trong đó: + Số buổi chiếu vùng III	Buổi								
	+ Số buổi chiếu phục vụ chính trị	Buổi								
2	Nghệ thuật biểu diễn	Tỷ đồng								
	- Số đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp	Đơn vị								
	- Số buổi biểu diễn	Buổi								
	Trong đó: Biểu diễn phục vụ vùng cao	Buổi								
3	Văn hoá thông tin cơ sở									
	- Tổng số đội thông tin lưu động	Đội								
	- Số buổi hoạt động	Buổi								
	Trong đó: - Đội TTLĐ tỉnh	Đội								
	- Các huyện, thị	Đội								
	- Số bản, làng đăng ký tiêu chuẩn VH trong năm	Đội								
	Trong đó: Số bản, làng được công nhận trong năm	Đội								

[illegible]

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
1	Số đội chiếu bóng vùng cao	Đội								
2	Số nhà văn hoá trên địa bàn	Nhà								
	Trong đó: + Tỉnh quản lý	Nhà								
	+ Huyện, thành phố quản lý	Nhà								
	+ Xã, phường quản lý	Nhà								
	+ Thôn, bản, tổ dân phố	Nhà								
3	+ Chuối xanh									
	Trong đó: Đã được xây dựng hoàn chỉnh	Nhà								
	- Số báo phát hành	Số								
	- Số lượng phát hành	1000 bản								
2	Cây công nghiệp dài ngày									
1	Số người tham gia luyện tập thể thao thường xuyên	Người								
	- Tỷ lệ so với dân số	%								
2	Số gia đình được công nhận là gia đình thể thao	Gia đình								
3	Số câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	CLB								
4	Cơ sở thi đấu TDTT đúng tiêu chuẩn									
	- Sân vận động	Sân								
	- Nhà luyện tập thể thao	Nhà								

CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH

(Kèm theo văn bản số /SKHDT-TH ngày tháng năm 2019 của sở KH&ĐT)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2018	Năm 2019			Kế hoạch 2020	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm		Ước TH 2019/TH 2018	KH năm 2020/ước TH 2019	
1	Viễn thông									
	- Tổng số trạm BTS	Trạm								
	- Tổng số thuê bao điện thoại	Thuê bao								
	- Tổng số thuê bao Internet	Thuê bao								
	- Số xã có mạng Internet	Xã								
2	Phát thanh - Truyền hình	Tỷ đồng								
2.1	Tổng số giờ phát thanh	Giờ								
	Số giờ phát thanh các đài tự sản xuất	Giờ								
	<i>Trong đó: Đài tỉnh</i>	Giờ								
	<i>Đài huyện</i>	Giờ								
2.2	Tổng số giờ phát sóng truyền hình	Giờ								
	Số giờ phát sóng truyền hình đài phát thanh truyền hình tỉnh tự sản xuất	Giờ								
3	Tổng số trạm phát sóng FM huyện, xã	Giờ								

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH

(Kèm theo văn bản số /SKHDT-TH ngày tháng năm 2019 của sở KH&ĐT)

		Năm 2019										Dự kiến kế hoạch năm 2020				
TT	Tên quy hoạch	Cấp phê duyệt	Thời kỳ quy hoạch (hay thời gian bắt đầu - kết thúc)	Tổng dự toán được duyệt	Tổng số vốn	Vốn đầu tư công		Vốn nước ngoài		Vốn khác		Tổng số vốn	Vốn đầu tư công	Trong đó:		
						Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng			Vốn nước ngoài	Vốn khác	Vốn khác
I	DỰ ÁN QUY HOẠCH CHUYÊN TIẾP															
1	Dự án quy hoạch															
2	Dự án quy hoạch															
II	DỰ ÁN QUY HOẠCH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG MỚI															
1	Dự án quy hoạch															
2	Dự án quy hoạch															

Đơn vị: Triệu đồng